

HƯỚNG DẪN LÀM LESSON 2 UNIT 2

SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 3

1. Look, listen and repeat. (Nhìn, nghe và lặp lại.)

Bài nghe:

a) What's your name?

My name's Linda.

b) How do you spell your name?

L-I-N-D-A.

Hướng dẫn dịch:

a) Bạn tên là gì?

Mình tên là Linda.

b) Tên bạn đánh vần thế nào?

L-I-N-D-A.

2. Point and say. (Chỉ và nói)

Bài nghe:

a) How do you spell your name?

L-l-N-D-A.

b) How do you spell your name?

P-E-T-E-R.

Hướng dẫn dịch:

a) Tên bạn đánh vần thế nào?

L-I-N-D-A.

b) Tên bạn đánh vần thế nào?

P-E-T-E-R.

3. Let's talk. (Chúng ta cùng nói).

What's your name?

My name's Hoa.

How do you spell your name?

H-O-A.

What's your name?

My name's Quan.

How do you spell your name?

Q-U-A-N.

Hướng dẫn dịch:

Bạn tên là gì?

Mình tên là Hoa.

Tên bạn đánh vần thế nào?

H-O-A.

Bạn tên là gì?

Mình tên là Quân.

Tên bạn đánh vần thế nào? Q-U-Â-N.

4. Listen and number. (Nghe và điền số).

Bài nghe:

a-4	b-2	c-1	d-3
-----	-----	-----	-----

Bài nghe:

1. Peter: My name's Peter.

Mai: Hello, Peter. My name's Mai.

2. Linda: My name's Linda. What's your name?

Quan: Hi, Linda. My name's Quan.

3. Mai: How do you spell your name?

Linda: L-I-N-D-A.

4. Quan: How do you spell your name?

Peter: P-E-T-E-R.

Hướng dẫn dịch:

1. Peter: Tên tôi là Peter.

Mai: Xin chào, Peter. Tôi tên là Mai.

2. Linda: Tên tôi là Linda. Tên bạn là gì?

Quân: Xin chào, Linda. Tên tôi là Quân.

3. Mai: Bạn đánh vần tên của bạn như thế nào?

Linda: L-I-N-D-A.

4. Quân: Bạn đánh vần tên của bạn như thế nào?

Peter: P-E-T-E-R.

5. Read and match. (Đọc và nối).

1-c	2-b	3-a
-----	-----	-----

Hướng dẫn dịch:

1.

A: Xin chào. Mình tên là Linda.

B: Xin chào, Linda. Mình tên là Hoa.

2.

A: Bạn tên là gì?

B: Mình tên là Peter.

3.

A: Tên bạn đánh vần thế nào?

B: N-A-M.

6. Let's write. (Chúng ta cùng viết).

What's your name?

My name's Khoa.

How do you spell your name?

K-H-O-A.

Hướng dẫn dịch:

Bạn tên là gì?

Mình tên là Khoa.

Tên bạn đánh vần thế nào?

K-H-O-A.